

Tp.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Số: 1091/2022/EIB-TGD

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM**

- Tên tổ chức:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam
- Mã chứng khoán:** EIB.
- Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ: (028) 38279067
- Email: vphdqt@eximbank.com.vn
- Website: <https://www.eximbank.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố: Ngày 24/02/2022, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Eximbank Quyết định ban hành **Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Eximbank**.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/02/2022 tại đường dẫn <http://www.eximbank.com.vn/quychequantrinoibo>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. 

KT. Tổng Giám đốc**Phó Tổng Giám đốc****Tài liệu đính kèm:**

- Quyết định HĐQT và Quy chế;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng HĐQT Eximbank

**Nguyễn Hồ Hoàng Vũ**

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Eximbank****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật sửa đổi bổ sung luật các tổ chức tín dụng năm 2017;

Căn cứ Điều lệ Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Eximbank”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 lần thứ hai của Eximbank ngày 15/02/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2022/EIB/NQ-HĐQT ngày 24/02/2022 của Hội đồng quản trị Eximbank;

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Eximbank” (đính kèm).
- Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 323/2018/EIB/QĐ-HĐQT ngày 15/06/2018 của Hội đồng quản trị Eximbank và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *phamhu*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT; BKS (để báo cáo);
- VP.HĐQT (lưu).

**Lương Thị Cẩm Tú**

MỤC LỤC

Chương I.....	3
QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ	3
Chương II.....	3
QUY ĐỊNH CỤ THỂ.....	3
MỤC 1.....	3
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 4. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	3
Điều 5. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	4
Điều 6. Các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	4
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 10. Công khai lợi ích liên quan	6
Điều 11. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 12. Thù lao và các lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị	6
MỤC 2.....	7
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị	7
Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	7
Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	7
Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 17. Họp Hội đồng quản trị	7
Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	8
Mục 3	10
BỘ MÁY THAM MƯU, GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 19. Các Ủy ban (và Hội đồng)	10
Điều 20. Người phụ trách quản trị Công ty	10
Điều 21. Văn phòng Hội đồng quản trị.....	11
MỤC 4.....	11
MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	11
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 23. Quan hệ làm việc với Ban kiểm soát	11
Điều 24. Quan hệ làm việc với Tổng giám đốc	12

Điều 25. Quan hệ với cổ đông ngân hàng.....	12
Điều 26. Quan hệ với tổ chức công đoàn.....	13
MỤC 5.....	13
QUY ĐỊNH VỀ KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG	13
Điều 27. Khen thưởng đối với Hội đồng quản trị.....	13
Điều 28. Trách nhiệm tuân thủ quy định về công khai lợi ích liên quan, tuân thủ nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 29. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tuân thủ các quy định về công khai lợi ích liên quan, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	14
Chương III.....	14
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	14
Điều 30. Hiệu lực của Quy chế.....	14

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 78./2022/EIB/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“Ngân hàng” hoặc “Eximbank”) nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như sau:

- a) Ngân hàng là Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”);
- b) HĐQT là Hội đồng quản trị Ngân hàng;
- c) Người phụ trách quản trị Công ty là người do HĐQT bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Quy chế này.

2. Các từ ngữ, thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như trong Điều lệ của Ngân hàng và Pháp luật có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành của Ngân hàng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập nhưng không được kiêm Tổng giám đốc của Ngân hàng.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được quyền tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Việc bầu, bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Ngân hàng.

Điều 5. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 65 Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan không được là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Các quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị và các quy định có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
- b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị (trong đó nêu rõ lý do từ chức) và được chấp thuận;

- c) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

- d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

- đ) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 67, Điều 68 Điều lệ Ngân hàng;

- e) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;

- g) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ Ngân hàng;

- h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với (các) thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng phải công bố thông tin theo quy định pháp luật.

4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày

không đủ số lượng thành viên theo quy định trên;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Công khai lợi ích liên quan

Việc công khai các lợi ích liên quan của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Các quy định liên quan đến nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 68 Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Thù lao và các lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại các cuộc họp thường niên.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Ngân hàng, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm theo quy định pháp luật.

MỤC 2

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều 42 Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 44 Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Hợp Hội đồng quản trị

1. Các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ Ngân hàng.

2. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

3. Ghi và thông qua Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

(iii) Thời gian, địa điểm họp;

(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

- (vi) Tóm tắt ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp (chữ ký có thể là chữ ký xác thực qua email, chữ ký điện tử hoặc chữ ký trên văn bản giấy).
- b) Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị hoặc một người khác do Hội đồng quản trị chỉ định chịu trách nhiệm ghi Biên bản các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm a khoản này.
- c) Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày gửi.
- d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng.
- e) Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
- Trường hợp không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ kết luận của cuộc họp, thành viên HĐQT được quyền bảo lưu ý kiến của mình trong nội dung biên bản.
- g) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

4. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Ngay sau khi Hội đồng quản trị thông qua các quyết định, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo cho các bộ phận liên quan để triển khai thực hiện.

5. Ngân hàng có thể tổ chức họp Hội đồng quản trị theo hình thức hội nghị trực tuyến, thông qua điện thoại hoặc các hình thức khác khi có đủ điều kiện. Việc họp Hội đồng quản trị thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, điện thoại hoặc hình thức khác thực hiện theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định trong trường hợp Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị vắng mặt chuẩn bị

phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được gửi bằng phương thức điện tử thông qua email, chữ ký điện tử hoặc bất kỳ phương thức nào khác phù hợp đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
- b) Họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Nội dung cần lấy ý kiến;
- d) Phương án biểu quyết.
- đ) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
- e) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về ngân hàng theo quy định của Ngân hàng thông qua email, chữ ký điện tử hoặc bất kỳ phương thức nào khác phù hợp.

5. Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định trong trường hợp Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị vắng mặt kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp;
- b) Nội dung cần lấy ý kiến;
- c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về. Biên bản phải có danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
- d) Kết quả tổng hợp phương án biểu quyết đối với từng vấn đề được lấy ý kiến;
- đ) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu và chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT (người giám sát).

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

8. Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của Ngân hàng, Hội đồng quản trị ban hành Quy trình lấy ý kiến bằng văn bản để làm cơ sở thực hiện.

9. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến đồng ý (Tán thành) của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp

MỤC 3

BỘ MÁY THAM MƯU, GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Các Ủy ban (và Hội đồng)

1. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban (và Hội đồng) để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật. Trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự.

2. Chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban (và Hội đồng) thực hiện theo quy chế hoạt động của Ủy ban (và Hội đồng) do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 20. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của của Ngân hàng;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng.

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 21. Văn phòng Hội đồng quản trị

1. Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị có chức năng phục vụ cho các hoạt động chỉ đạo, điều hành, giám sát của Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược trong toàn hệ thống Ngân hàng.
2. Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị kiêm Thư ký Hội đồng quản trị.
3. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị ban hành.

MỤC 4

MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 23. Quan hệ làm việc với Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ làm việc với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban kiểm soát.

3. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra tại cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết.

5. Các Nghị quyết và Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

7. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến.

8. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.

Điều 24. Quan hệ làm việc với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quản lý và giám sát đối với hoạt động của Tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát.

Điều 25. Quan hệ với cổ đông ngân hàng

1. Hội đồng quản trị với tư cách đại diện cổ đông thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng. Do đó, phải chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Ngân hàng, kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu đối với Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phổ biến, quán triệt, theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Quan hệ với tổ chức công đoàn

1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện về tài chính và thời gian để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, Công đoàn thành viên, Công đoàn bộ phận làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Hội đồng quản trị phối hợp với Ban chấp hành công đoàn về việc cử người tham gia Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật để bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động.

3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện và cơ hội để lắng nghe tiếng nói của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, Công đoàn thành viên, Công đoàn bộ phận để nắm bắt kịp thời ý nguyện của Công đoàn viên và cán bộ nhân viên đang làm việc tại Ngân hàng về thoả ước lao động tập thể; hợp đồng lao động, các chế độ chính sách đối với người lao động và xem xét biện pháp phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật.

MỤC 5

QUY ĐỊNH VỀ KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Điều 27. Khen thưởng đối với Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 28. Trách nhiệm tuân thủ quy định về công khai lợi ích liên quan, tuân thủ nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ các quy định về công khai lợi ích liên quan, tuân thủ các quy định về nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân mình hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi đa số các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận

Điều 29. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tuân thủ các quy định về công khai lợi ích liên quan, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị vi phạm các quy định về công khai lợi ích liên quan, các quy định về nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, ngoài việc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 9 Quy chế này còn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại của Ngân hàng do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Ngân hàng.

2. Nguyên tắc bồi thường và xác định thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ngoài trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều này, thành viên Hội đồng quản trị còn có thể phải chịu các trách nhiệm khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế quản trị nội bộ và quy định của pháp luật có liên quan do hành vi vi phạm các quy định về công khai lợi ích liên quan, các quy định về nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực của Quy chế

1. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng, Quy chế quản trị nội bộ và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. *u*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lương Thị Cẩm Tú